

R  
VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM  
Viện nghiên cứu biển

**BIA**

Đ E T AI 48.06.14

NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KHẢ  
NĂNG NGUỒN LỢI DÀI VERN B IỂN VIỆT NAM, ĐỀ XUẤT  
BIỆN PHÁP SỬ DỤNG HỢP LÝ VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI

Chủ nhiệm: Đặng Ngọc Thanh

PHẦN ĐỊA CHẤT - ĐỊA MẠO

Tập thể tác giả

Trần Văn Thọ (chủ biên)

Nguyễn Đức Cự

Nguyễn Quang Tuấn

Thị Kim Hương

Nguyễn Hữu Cù

Đinh Văn Huy

Trần Đình Tôn

Vũ Đình Kiên

Phạm Văn Xuân

Phạm Văn Hùng

Nguyễn Đức Bình

Nguyễn Thị Kim Anh

**BIA**

HÀI PHÒNG 1985.

4551  
M18103

## M O Đ A U

Dải ven bờ ( dải bờ, coastal zone ) là đối tượng tiếp xúc giữa lục địa và lục địa, được đặc trưng bởi các đặc điểm và các quá trình tự nhiên khác biệt với môi trường biển và lục địa, đồng thời lại chịu ảnh hưởng trực tiếp của cả hai môi trường này. Dải ven bờ là đối tượng, đối tượng trộn (Mixing zone) tích cực được hình thành trong thời gian địa chất gần đây tiến hóa nhanh và vừa là kết quả của các quá trình địa chất lâu dài và hiện đại của sự tương tác giữa lục địa và biển giữa quá trình nội sinh và ngoại sinh, giữa những nhân tố khí hậu và phi khí hậu, chịu ảnh hưởng lớn của những hoạt động của con người và sinh vật.

Dải ven bờ là một đối tượng khoa học quan trọng. Kết quả nghiên cứu địa chất địa mạo dải ven bờ MBVN sẽ là cơ sở nghiên cứu các thành tạo địa chất cơ và địa chất đệ tứ ở một vùng nhiệt đới (vai trò của vùng ngập mặn và sinh vật vùng triều, bãi cát và các quá trình thành tạo lagun, delta, estuary v.v. các nguồn năng lượng và động lực địa chất dải bờ, thành phần và quy luật phân bố trầm tích, quá trình diagenese, môi trường và chu trình địa hóa ...v.v.)

Dải ven bờ miền Bắc Việt Nam là một hệ sinh thái có năng suất sinh học cao gồm nhiều hệ sinh thái cấp nhỏ hơn như hệ sinh thái vùng triều, hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái đầm lầy san hô, hệ sinh thái bãi biển, hệ sinh thái của các thùy vực delta, estuary, lagun với các phụ kiện lợ, mặn v.v.. Để nghiên cứu các hệ sinh thái này không thể thiếu được những tài liệu về địa chất - địa mạo.

Dải ven bờ miền Bắc Việt Nam là nơi có nhiều tài nguyên thiên nhiên đặc thù về đất, nước, khoáng sản, là đối tượng kinh tế và quốc phòng vô cùng quan trọng, là nơi tập trung các khu dân cư, trú phủ. Nhiều hoạt động kinh tế lớn, được tiến hành trên dải ven biển này như khai thác, đánh bắt tôm cá và các loại động vật biển, nuôi trồng thủy sản mặn lợ, khai hoang lấn biển làm muối, công trình giao thông cầu cảng, khai thác nguồn lợi rừng ngập mặn, du lịch, các công nghệ khai thác biển khơi và phòng thủ quân sự.

Dải ven bờ MBVN cũng là nơi chịu nhiều thiên tai lớn như bão, gió, sóng thần, nước dâng, lụt lội, nhiễm mặn môi trường. Là nơi có nhiều vấn đề cần đặt ra và giải quyết về văn hóa, xã hội, dân cư, phân bố lao động, tổ chức và cơ cấu sản xuất kinh tế.

Để phát huy được tiềm năng kinh tế, khai thác triệt để và hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên dải ven biển miền Bắc Việt Nam cần phải có những tài liệu nghiên cứu cơ bản có trọng điểm về các mặt trong đó có địa chất - địa mạo.

Từ trước đến nay đã có rất nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu liên quan, hoặc đề cập tới địa chất - địa mạo đại ven bờ MBVN. Nhưng chưa có công trình nào đặt vấn đề nghiên cứu đại ven bờ MBVN nói riêng, đại ven bờ Việt Nam nói chung, như là một thực thể tự nhiên riêng biệt, trọn vẹn và hoàn chỉnh. Trong khi đó, hiện nay ở nhiều nước đang phát triển, nghiên cứu đại ven bờ được coi như là một vấn đề chiến lược trong các chương trình quốc gia và liên quốc gia về tài nguyên, môi trường và sinh thái.

Xuất phát từ những yêu cầu cấp bách và cần thiết do những đòi hỏi của thực tiễn, đề tài cấp II cho nước "nghiên cứu đặc điểm điều kiện tự nhiên và khả năng nguồn lợi đại ven biển Việt Nam", để xuất biên soạn sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn lợi" do giao sự tiến sĩ Đặng Ngọc Thanh làm chủ nhiệm đã ra đời và được thực hiện trong hai năm 1984-1985. Phần địa chất - địa mạo của đề tài được các cán bộ phòng điều kiện tự nhiên, Trạm Nghiên cứu biển Hải phòng thực hiện và đồng chí Trần Đức Thanh chịu trách nhiệm chủ trì.

Tuy còn có những thiếu sót về hạn chế do thời gian thực hiện qua ngắn song báo cáo này là công trình nghiên cứu đầu tiên có hệ thống về địa chất - địa mạo đại ven biển MBVN trên cơ sở áp dụng những quan điểm và phương pháp luận hiện đại nhất của thế giới.

Nội dung báo cáo gồm 5 chương sau :

- Chương I :- Đặc điểm chung địa chất - địa mạo đại ven bờ MBVN ( Trần đức Thanh , Phí kim Trung )
- Chương II :- Bước đầu nghiên cứu các loại hình thủy vực tự nhiên ở đại ven bờ MBVN ( Trần đức Thanh )
- Chương III :- Những đặc điểm cơ bản địa hóa trầm tích bãi triều MBVN ( Nguyễn đức Cự )
- Chương IV :- Sa khoáng Titan , sắt , Zinicon, đất hiếm ở đại ven bờ MBVN . ( Nguyễn quang Tuấn )
- Chương V :- Một số vấn đề về khai thác , sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên ven bờ MBVN . ( Trần đức Thanh - Nguyễn đức Cự )

Để hoàn thành báo cáo, các tác giả đã sử dụng các nguồn tài liệu chủ yếu sau đây:

- Nguồn tài liệu từ các công trình nghiên cứu trước đây mà phần ngập nước là của các cán bộ viện nghiên cứu biển Phòng vệ địa chất vịnh Bắc Bộ (1965) Địa chất - Địa mạo phần ven bờ và biển nông ven bờ Quảng Ninh - Hải phòng (1969 - 1975) Hải phòng - Nghệ Tĩnh (1977). Đếm số tài liệu về đầm lầy Nam Bình trị Thiên của Trường ĐHTH Huế (1977) Phân loại địa ven bờ và bãi tài liệu được sử dụng chủ yếu là loạt bản đồ địa chất 1:200.000 từ móng cải tiến Quảng Trị của Liên đoàn bản đồ địa chất. Tài liệu nhật ký thực địa bãi Hải phòng - Nghệ Tĩnh của trạm biển Hải phòng (1977 - 1981).

- Nguồn tài liệu mới do các tác giả khảo sát, thu thập và phân tích gồm:

- Tài liệu thu thập và phân tích qua trên 12 chuyến thực địa ở khu vực Hải phòng - Quảng Yên vào các năm 1982 - 1983 trước khi đề tài ra đời, được chuyển vào nội dung của đề tài.

+ Một phần tài liệu khảo sát và phân tích vùng ven bờ tỉnh Thái Bình qua nhiều chuyến thực địa khi tiến hành hợp tác nghiên cứu với các cán bộ trường ĐHTH Hà Nội vào các năm 1982 - 1985.

+ Tài liệu thực địa và phân tích trong phòng của các tác giả thu được trong thời gian chính thức thực hiện đề tài (1984 - 1985) qua 9 chuyến thực địa ở ven bờ Quảng Ninh, Hải phòng, Thanh Hoá, Bình trị Thiên.

Để hoàn thành báo cáo này, tập thể tác giả xin chân thành cảm ơn sự động viên, khích lệ và giúp đỡ của giáo sư tiến sỹ Đặng Ngọc Thanh, của Ban Lãnh đạo Trạm nghiên cứu biển Hải phòng, cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của phòng tư liệu - thông tin liên đoàn bản đồ địa chất, các Sở Thủy sản, các ban phân vùng - quy hoạch, ban khoa học các tỉnh Quảng - Ninh, Hải phòng, Thái Bình, Thanh Hoá, Bình trị Thiên,

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU .

Từ nhiều góc độ , với nhiều mục đích khoa học và thực tiễn , đặc điểm địa chất - địa mạo dải ven bờ biển Bắc VN đã được nghiên cứu và đề cập ở mức độ khác nhau trong nhiều công trình nghiên cứu .

I/- THỜI GIỚI TRƯỚC NĂM 1954

Thực tế , một số đặc điểm địa chất - địa mạo dải ven bờ MBVN đã được đề cập đến trong một số văn liệu của các nhà sử phong kiến . Trong đó , đáng kể nhất là các cuốn " địa dư chí " của Nguyễn Trãi ( thế kỷ 16 ) , " văn đại loại ngữ " và " Phủ biên tạp lục " của Lê Quý Đôn ( thế kỷ 18 ) . " Lịch triều hiến chương loại chí - Địa dư chí " của Phan Huy Chú ( thế kỷ 19 ) ...

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta , dải ven bờ MBVN được chú trọng , điều tra , nghiên cứu để phòng thủ và xây dựng các bến cảng , các đô thị , tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên . Trong số đó , đáng chú ý hơn cả là các công trình của Campion ( 1836 ) Favie ( 1898 ) .

Vào năm 1912 Chính phủ Pháp đã cho đo đạc , lập các Hải đồ tỷ lệ 1: 1.000.000 , 1: 50.000 , 1: 25.000 .

Các nhà địa lý Pháp là những người quan tâm nghiên cứu nhiều nhất dải ven bờ trong mối quan hệ với miền Duyên hải nội chung và các đồng bằng ven biển nơi riêng . Một loạt các công trình nghiên cứu của họ có liên quan tới các vấn đề hình thái , nguồn gốc các dạng địa hình ven bờ , các thành tạo đá tu , các ngân biển , bậc thềm , chuyên đồng hiện đại ở ven bờ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ . Đáng chú ý nhất là các công trình nghiên cứu của Chassigneux ( 1918 , 1926 ) Gourou ( 1931 , 1936 , 1939 ) Rozequin ( 1929 ) , Le Breton ( 1931 , 1934 , 1935 , 1936 , .... ) Trãi lại các nhà địa chất Pháp lại chú quan tâm đến dải ven bờ MBVN một cách có lọc trong những vấn đề về cấu trúc địa chất và chuyển động hiện đại như trong những nghiên cứu của Patte ( 1923 , 1927 , 1932 ) , Fromaget ( 1952 ) ...

Một số nhà nghiên cứu sinh vật Pháp cũng có chú trọng đến nghiên cứu địa chất - địa mạo như Krempf . năm 1931 ông đã trình bày những kết quả nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển lagun tại giồng - Cầu Hai .

Một số tác giả nghiên cứu khảo cổ như Anderson cũng quan tâm nghiên cứu địa chất vùng ven bờ , ông đã phát hiện ra văn hóa Hạ Long và đã nghiên cứu về địa chất hiện đại vùng ven bờ Đông Bắc ( 1939 ) .

Trong thời gian trước năm 1954, những công trình nghiên cứu về địa chất và trầm tích phân ngập nước ven bờ MBVN hầu như chưa có. Trong những năm 1925 - 1929 tàu De La nesson đã tiến hành khảo sát độ sâu, lấy mẫu đáy vùng Vịnh Bắc Bộ. Trong các báo cáo điều tra của Viện Hải dương học Nha Trang vào các năm 1926 - 1935, đặc điểm tự nhiên, địa hình và chất đáy ven bờ tây Vịnh Bắc Bộ chỉ được đề cập ở mức độ sơ lược và thường được nhắc đến trong mô tả các loài và các khu hệ sinh vật.

## II/- SAU NĂM 1954

Các nhà địa lý đã đề cập nhiều đến dải ven bờ MBVN chủ yếu dưới góc độ hình thái, cạnh quan và phân vùng địa lý tự nhiên qua các công trình địa lý tự nhiên Việt Nam (Vũ Tư Lập 1977), thiên nhiên Việt Nam (Lê Ba Thảo 1977), phân vùng địa lý tự nhiên lãnh thổ Việt Nam (tổ phân vùng ĐLTH, 1970) ... v.v. Tuy nhiên chân hiện đại Bắc Bộ là vùng được quan tâm nhiều hơn cả (Huỳnh ngọc Hương, Nguyễn đức Chính 1960 ... v.v.)

Một số nhà địa lý đi sâu nghiên cứu địa mạo miền Duyên Hải học đôi bờ như Trần đình Quán (1962, 1977) và bờ biển Bắc trung bộ, Nguyễn đức Chính (1964) và các bãi tắm ven biển Long Hải, Lê Ba Thảo (1964) và động lực hình thành các bãi châu thổ Bắc Bộ ... v.v.)

Một số nhà địa lý, địa mạo, thổ nhưỡng Xô viết (Seglora 1957, Zubayenkô 1962, 1967, Phridland 1961, 1964 ... v.v.) cũng có nhiều đóng góp về nghiên cứu địa mạo miền Duyên Hải Bắc Việt Nam.

Các tài liệu nghiên cứu về địa mạo có liên quan đến đôi bờ chiếm khối lượng khá lớn. Trong đó đáng kể là các công trình của Lưu Tý và đồng nghiệp (1969), Trịnh Hùng và NTK (1975) về địa mạo bờ biển Hải Phòng - Quảng Bình, Nguyễn thanh Sơn và Trịnh Hùng (1977) về các kiểu bờ biển Việt Nam, của Nguyễn đức Tâm (1968, 1969, 1981, 1982 ... v.v.) về địa mạo các đồng bằng Bắc bộ và các đồng bằng ven biển Việt Nam, Nguyễn Hòa (1969) về bờ biển Quảng Bình, Huỳnh ngọc Hương và Ngô Thương Sơn (1969, 1971) về kiến trúc hình thái vùng Duyên Hải Đông Bắc, Nguyễn thế Thôn (1978), Đỗ Tuyết và Nguyễn đình Khuông (1967) và các thềm biển Đông Bắc, Zenkovich (1963) về bờ biển MBVN ...

Địa hình và địa mạo phân ngập nước ven bờ chỉ được đề cập đến trong một vài nghiên cứu của Lưu Tý (1975, 1977), Nguyễn thanh Sơn và Nguyễn Tiết (1981), Trịnh Hùng (1983)

Trong các công trình nghiên cứu về địa mạo, động lực hình thành các dạng địa hình đôi bờ thực tế vẫn còn là một khoảng trống. Việc phân vùng địa mạo đôi bờ chưa được đặt ra (có được đề cập sơ bộ trong nội dung phân vùng địa mạo lãnh thổ MBVN của Lê đức An 1972).

- 7 -

Tuổi và nguồn gốc hình thành của các thành tạo đá từ ven bờ cũng được trình bày trong nhiều bài báo - công trình nghiên cứu của các cá nhân và tập thể. Đáng chú ý nhất là nghiên cứu của Hoàng Ngọc Kỳ (1976) về trầm tích phân sinh và sự hình thành dòng bang Bắc Bộ; của Nguyễn Đức Tâm (1967, 1980, 1982vv..) và địa tầng Kainozoi và các mức biến cố đá từ và mức nước trong kỷ đá từ của Fontaine và Delibzian (1974) Huỳnh Ngọc Hương (1974, 1976, 1980, vv..) Lưu Ty và Hnk (1980) vv. Tuy nhiên những vấn đề về tuổi - nguồn gốc các thành tạo đá từ và lịch sử phát triển mức nước ở ven bờ Việt Nam còn nhiều điểm chưa thống nhất hoặc chưa sáng tỏ.

Đề cấp nhiều tới đại ven bờ là các công trình đo vẽ và thành lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:200.000 của các đoạn địa chất 20G - 204 - 207 suốt từ Hồng Gai tới Quảng Trị. Ở Huế Quảng Ngãi cũng đang đi vào đại đoạn kết thúc. Trong các công trình này, nhiều vấn đề về địa chất đá từ, địa mạo, kiến tạo, lịch sử địa chất, khoáng sản...vv ở đại ven bờ MBVN đã được giải quyết hoặc đề cập. Các công trình này thường chỉ thực hiện trên một Om hai tờ. Một số nhược điểm bậc lộ rockhi sử dụng các phương pháp nghiên cứu địa chất lục địa áp dụng cho đại ven bờ.

Những tài liệu nghiên cứu ở phần sườn bờ ngầm còn rất thiếu và chưa đồng bộ. Các công trình nghiên cứu về địa chất địa hình phân ngập nước không nhiều. Đó là các công trình điều tra vịnh Bắc Bộ (1965) của Đội Liên Hiệp Việt Trung, Công trình của Bembang và Minô (1961) Tân Văn Sơn (1967). Đó là những tài liệu quý giá hỗ trợ cho nghiên cứu địa chất đại ven bờ MBVN.

Trong những năm qua, các cán bộ viện nghiên cứu bờ biển Hải Phòng đã tổ chức điều tra địa chất địa mạo vùng biển ven bờ từ Hồng Gai đến Hạ Tĩnh. Đó là các công trình điều tra địa chất địa hình vùng ven bờ Đầm Hài - Hồng Gai (Lưu Ty và những người khác 1969). Địa chất địa mạo vùng ven bờ Hải - Phòng - Quảng Ninh (Trịnh Phúng và những người khác 1975); Trầm tích tầng mặt đáy vùng biển ven bờ Hải Phòng Nghệ Tĩnh (Phi Kim Trung và những người khác, 1977). Những công trình này mang tính chất điều tra cơ bản và đã thu được nhiều tài liệu thực tế quý giá.

Gần đây, các cán bộ trường ĐHQH Huế (Võ Văn Đạt 1977) đã tiến hành nghiên cứu các hệ thống dầm phía Nam Bình Trị Thiên một loại hình thùy vực tự nhiên đặc sắc ở ven bờ MBVN.

Việc nghiên cứu địa hoá trên tích hiệu đại ven bờ MBVN chưa được quan tâm đúng mức. Một số kết quả trình bày trong các báo cáo điều tra phân ngập nước đáy biển ven bờ thực sự mới chỉ là thành phần hóa học của trầm tích, đặc điểm môi trường địa hoá, chủ tịch địa hoá chưa được luận giải. Tuy một số số liệu phân tích của Phiridiana (1964) ở một số điểm thuộc vùng triều MBVN, các số liệu phân tích PH, H, I, SO<sub>4</sub> - 2 Al<sub>3</sub> vv. của các bản phân vùng - quy hoạch năng nghiên, các tính chất qua các điều tra thổ nhưỡng, vấn đề địa hoá vùng triều MBVN thực sự chưa được nghiên cứu.

Ngược lại, sa khoáng ven biển MĐVII ( Imant, Ziacon, monoza ) là vấn đề được nhiều người quan tâm và đã được đề cập trong nhiều bài báo, công trình của Lê Văn Đăng (1961) Lưu Ty và những người khác ( 1969 ), Trịnh Hùng và những người khác ( 1975 ), Đoàn 200 và các sa khoáng vùng đông bắc; Ianand ( 1962 ), Trần Kim Thạch và Lê Văn Tiết ( 1964 ), Nguyễn Tấn Thi ( 1971 ), Nguyễn Văn Canh ( 1984 ) và sa khoáng khu vực Thuận An .

Những công bố chung về thành phần khoáng vật và sa khoáng ven biển của Guavich ( 1965 ), Ngô Thương Sơn ( 1974 ) Nguyễn Thị Kim Hoàn và những người khác ( 1975 , 1982 ...vv ), Nguyễn Chu Hồi ( 1981 ) Nguyễn Quang Tuấn và những người khác ( 1983 ) .

Hầu hết các sa khoáng được phát hiện đều là sa khoáng bề mặt. Vấn đề nguồn gốc vật chất và động lực thành tạo sa khoáng cũng mới chỉ được đề cập sơ lược .

Nghiên cứu địa chất địa mạo dải ven bờ MĐVII hiện nay bắt đầu thu hút sự chú ý của nhiều nhà chuyên môn khác . Xu hướng phân tích ảnh hưởng tham vào việc nghiên cứu các quá trình bồi tụ, xói lở các vùng bờ đang được áp dụng ở Cục đò bên Nhà Nước Bộ Lâm Nghiệp, Trung tâm không gian Viện Khoa học Việt Nam . Kết quả bước đầu có nhiều triển vọng đã được thể hiện ở hội thảo áp dụng phương pháp viễn thám vào nghiên cứu biển ở Hà Nội tháng I / 1985 .



## CHƯƠNG I

### ĐẶC ĐIỂM CHUNG ĐỊA CHẤT - ĐỊA MẠO DẢI VEN BỜ MIỀN BẮC VIỆT NAM

Từ trước tới nay, chưa có một công trình nghiên cứu địa chất địa mạo nào về dải ven bờ MBVN với tư cách là một thực thể tự nhiên hoàn chỉnh, trọn vẹn. Các công trình do vẽ bản đồ địa chất lục địa thường chỉ giới hạn từ mực biển trung bình trở lên. Trong một số công trình nghiên cứu địa chất biển, vùng triều thuộc dải bờ vẫn còn là một khoảng trống. Đặc điểm địa mạo bờ đã được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu sau, do những hạn chế về nguồn tư liệu quan điểm, phương pháp luận nên còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục bổ xung bản luận.

Lần đầu tiên dựa vào tài liệu tổng hợp từ những công trình nghiên cứu trước đây, kết hợp với những nghiên cứu bổ xung có tính chất trọng điểm, chúng tôi trình bày những đặc điểm chung nhất về địa chất, địa mạo dải ven biển MBVN. Tuy là một thực thể tự nhiên hoàn chỉnh, trọn vẹn, có nhiều đặc điểm chung theo mặt cắt ngang phản ánh bản chất của một đối tượng tiếp giữa thềm lục địa và lục địa nhưng dải ven bờ MBVN có mặt cắt dọc chạy qua các vùng có những đặc trưng riêng về điều kiện khí hậu, thủy văn, động lực, địa hình và địa chất khu vực. Vì vậy đặc điểm địa chất - địa mạo dải ven bờ mang tính phân dị rõ nét theo mặt cắt dọc thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa các vùng.

Với quan điểm như vậy, đặc điểm địa chất - địa mạo dải ven bờ trong báo cáo này được trình bày theo các vùng.

#### \* - Phân vùng địa chất - địa mạo dải ven bờ MBVN :

Việc phân vùng địa chất địa mạo dải ven bờ là một yêu cầu cần thiết và cấp bách, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn lớn. Nó giúp ta nắm vững bản chất và quy luật phát triển của dải ven biển, tính chất phân bố của chúng.

vùng để từ đó có cơ sở tin cậy lập quy hoạch và phân vùng kinh tế - sản xuất dải ven bờ .

Vì những đặc điểm địa chất - địa mạo dọc ngang ở mỗi vùng là sự kết hợp tổng thể của các quá trình nội sinh và ngoại sinh, giữa các quá trình biển và lục địa, giữa các nhân tố khí hậu và phi khí hậu, nên các vùng này có thể trùng với các vùng lãnh thổ tự nhiên ven biển .

Trước đây, đã có một số công trình đề cập với mức độ khác nhau về phân vùng dải bờ ( coastal zone ) hoặc miền Duyên Hải ( Maritime ) dưới góc độ chuyên môn khác nhau ( Lê đức An 1972 ... ) Trong đó, đáng chú ý nhất là công trình " phân vùng địa lý tự nhiên lãnh thổ Việt Nam " của tổ phân vùng địa lý tự nhiên thuộc ủy Ban khoa học và Kỹ thuật Nhà Nước . Nhưng những cơ sở lý luận, nguyên tắc cũng như nội dung phân vùng của công trình này không phù hợp và không áp dụng được cho dải ven bờ . Trong công trình này, dải ven bờ BSVN tính từ vĩ tuyến 17 cho tới Móng cái thuộc về 12 đơn vị cấp vùng và 4 đơn vị cấp miền . Một số bất hợp lý nảy sinh ra theo cách phân vùng này . Ví dụ thứ nhất : ở miền Đông Bắc, các đảo và quần đảo ( trừ Cát Bà ) đều cùng nằm trong đối cấu trúc địa chất Duyên Hải với các khu vực ven bờ lục địa, cũng hướng cấu trúc chính và kiểu bờ Nguyên sinh Đanmat . Chúng cũng tham gia tạo nên vùng trũng giữa núi trước biển tiến sau hồng và T một tổng thể các vịnh nhỏ, kín kéo dài dọc ven bờ hiện tại . Các điều kiện động lực và khí hậu giữa các khu vực ven bờ các đảo và ven bờ lục địa cơ bản là đồng nhất . Vì vậy việc tách riêng ra vùng hải đảo trong trường hợp này là phá vỡ tính hoàn chỉnh của một đơn vị cấp vùng . Ví dụ thứ hai : Khu vực ven bờ Ngason Hậu lộc có điều kiện tự nhiên và cơ cấu sản xuất kinh tế ( Cỏ, lúa ) phù hợp với vùng ven bờ tam giác châu Bắc Bộ hiện đại chứ không phù hợp với vùng ven bờ Thanh - Nghệ - Tĩnh ( Lạch Trường - Mũi Hòn ) . Ngược lại thế mạnh kinh tế ở khu vực ven bờ Đơ son-